



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023**

**Tập
Đoàn Dệt
May Việt
Nam**

Digitally signed by Tập Đoàn Dệt
May Việt Nam
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HÀ
NỘI, CN=Tập Đoàn Dệt May Việt
Nam,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0100100008
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location
here
Date: 2023.08.29 20:51:
07+07'00'
Foxit Reader Version: 10.1.0

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 6 tháng 10 năm 2021. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Vũ Hồng Tuấn
Ông Nguyễn Xuân Đông

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Ủy viên (từ ngày 31/05/2023)
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Song Hải
Ông Lê Trung Hải
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuấn
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Xuân Trình

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Đào Thị Minh Hòa
Bà Nguyễn Lê Trà My

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 31/05/2023)
Thành viên (đến ngày 31/05/2023)

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Hàng Bài
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 65 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2023

011204
CÔNG
CH NHIỆM
KPM
Ữ LIỆM



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị
Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 65.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 23-02-00188-R-23-1



Trưởng Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **29 -08- 2023**

Trương Tuyết Mai

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2594-2019-007-1



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.202.564.460.851	2.332.725.463.775
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	144.725.817.587	143.092.970.042
Tiền	111		94.895.317.587	143.092.970.042
Các khoản tương đương tiền	112		49.830.500.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.112.978.000.000	1.007.578.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(a)	1.112.978.000.000	1.007.578.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		589.836.144.747	872.246.009.703
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10(a)	300.717.273.382	342.782.158.090
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	30.122.540.741	41.393.569.422
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	12(a)	126.539.153.023	97.258.709.733
Phải thu ngắn hạn khác	136	13(a)	133.155.239.501	391.509.634.358
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	14	(698.061.900)	(698.061.900)
Hàng tồn kho	140	15	337.087.422.854	291.560.779.646
Hàng tồn kho	141		372.351.217.908	346.657.334.012
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(35.263.795.054)	(55.096.554.366)
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.937.075.663	18.247.704.384
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		3.863.915.649	2.650.034.680
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.857.804.758	15.392.709.058
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21(a)	215.355.256	204.960.646

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.108.702.133.099	6.153.397.703.999
Các khoản phải thu dài hạn	210		2.012.297.299.256	2.019.143.246.695
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	10(b)	61.843.907.911	61.843.907.911
Phải thu về cho vay dài hạn	215	12(b)	1.447.076.168.529	1.485.934.020.078
Phải thu dài hạn khác	216	13(b)	503.377.222.816	471.365.318.706
Tài sản cố định	220		805.067.905.106	855.157.298.691
Tài sản cố định hữu hình	221	16	748.148.800.365	797.363.441.490
Nguyên giá	222		1.657.538.291.434	1.657.691.236.575
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(909.389.491.069)	(860.327.795.085)
Tài sản cố định vô hình	227	17	56.919.104.741	57.793.857.201
Nguyên giá	228		81.790.248.511	81.790.248.511
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(24.871.143.770)	(23.996.391.310)
Tài sản dở dang dài hạn	240		244.136.127.230	199.656.844.545
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	244.136.127.230	199.656.844.545
Đầu tư tài chính dài hạn	250	9(b)	3.007.947.929.352	3.034.004.679.576
Đầu tư vào công ty con	251		2.191.080.629.010	2.142.081.329.010
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		1.047.077.855.779	1.047.077.855.779
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		39.789.498.900	39.789.498.900
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(270.000.054.337)	(194.944.004.113)
Tài sản dài hạn khác	260		39.252.872.155	45.435.634.492
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	39.252.872.155	45.435.634.492
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.311.266.593.950	8.486.123.167.774

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 01a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.682.971.256.793	2.569.224.789.313
Nợ ngắn hạn	310		1.112.473.268.368	935.396.020.339
Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	123.117.273.231	165.106.410.757
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.438.938.600	3.781.604.792
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21(b)	3.755.871.313	5.896.701.106
Phải trả người lao động	314		14.809.465.991	36.950.074.268
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22(a)	6.338.413.470	7.637.812.557
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	326.214.618.616	26.794.300.849
Vay ngắn hạn	320	24(a)	551.061.134.287	612.338.352.299
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	25	41.455.433.523	41.455.433.523
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	26	41.282.119.337	35.435.330.188
Nợ dài hạn	330		1.570.497.988.425	1.633.828.768.974
Chi phí phải trả dài hạn	333	22(b)	9.761.834.880	10.226.684.160
Phải trả dài hạn khác	337		990.035.151	655.092.752
Vay dài hạn	338	24(b)	1.559.746.118.394	1.622.946.992.062
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		5.628.295.337.157	5.916.898.378.461
Vốn chủ sở hữu	410	27	5.607.101.633.745	5.894.683.861.539
Vốn cổ phần	411	28	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.646.856.298	321.229.084.092
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		11.729.084.092	119.372.945.604
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		21.917.772.206	201.856.138.488
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	30	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		21.193.703.412	22.214.516.922
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	31	21.193.703.412	22.214.516.922
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.311.266.593.950	8.486.123.167.774

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:


Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:


Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởngCao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	33	600.117.017.969	644.554.526.370
Giá vốn hàng bán	11	34	608.382.625.906	621.875.525.932
(Lỗ)/lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		(8.265.607.937)	22.679.000.438
Doanh thu hoạt động tài chính	21	35	207.576.625.675	170.554.395.925
Chi phí tài chính	22	36	136.413.191.472	25.624.392.364
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		59.951.625.528	18.429.865.567
Chi phí bán hàng	25	37	20.892.235.267	23.289.025.840
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	38	31.822.034.657	31.918.288.268
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		10.183.556.342	112.401.689.891
Thu nhập khác	31	39	16.201.570.077	2.240.093.275
Chi phí khác	32	40	4.467.354.213	545.573.166
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		11.734.215.864	1.694.520.109
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		21.917.772.206	114.096.210.000
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	42	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		21.917.772.206	114.096.210.000

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		21.917.772.206	114.096.210.000
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		53.032.576.353	56.073.949.949
Các khoản dự phòng	03		55.223.290.912	(14.416.966.278)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(731.468.630)	21.057.371.984
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(213.709.362.299)	(169.217.382.813)
Chi phí lãi vay	06		59.951.625.528	18.429.865.567
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(24.315.565.930)	26.023.048.409
Biến động các khoản phải thu	09		80.610.932.514	(140.389.616.552)
Biến động hàng tồn kho	10		(25.693.883.896)	(285.156.368.381)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(67.858.545.072)	6.663.433.186
Biến động chi phí trả trước	12		19.110.204	(394.719.474)
			(37.237.952.180)	(393.254.222.812)
Tiền lãi vay đã trả	14		(58.739.709.588)	(16.175.929.139)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.653.210.851)	(6.671.838.889)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(99.630.872.619)	(416.101.990.840)

101001
CÔ
TRÁCH N
K
AM TỬ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023	30/6/2022
			VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(38.074.399.103)	(64.648.744.911)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		16.181.818.182	32.646.296.296
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn	23		(623.952.139.216)	(741.680.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, rút tiền gửi có kỳ hạn	24		528.129.547.475	768.255.685.608
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(48.999.300.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	25.130.096.000
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		393.553.262.485	226.416.644.726
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		226.838.789.823	246.119.977.719
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		481.547.031.895	690.176.439.370
Tiền trả nợ gốc vay	34		(607.891.034.037)	(301.643.627.897)
Tiền trả cổ tức	36		-	(249.955.662.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(126.344.002.142)	138.577.149.473

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		863.915.062	(31.404.863.648)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		143.092.970.042	95.919.885.830
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		768.932.483	763.238.907
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	144.725.817.587	65.278.261.089

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:

Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởngCao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau:

Tên	Thông tin chính
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-049 ngày 4 tháng 11 năm 2015 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-050 ngày 1 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-051 ngày 26 tháng 7 năm 2016 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam - Trung tâm Thời trang Vinatex	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-052 ngày 11 tháng 4 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.
▪ Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Nhà máy May Quế Sơn	Đăng ký tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam theo GCNĐKHĐCN số 0100100008-053 ngày 25 tháng 5 năm 2018 với tư cách là một chi nhánh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 32 công ty liên kết (1/1/2023: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 32 công ty liên kết), được trình bày tại Thuyết minh 9(b).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 610 nhân viên (1/1/2023: 652 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Cơ quan Tổng Giám đốc dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước
cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 3(o)(ii)).

**(iii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau
cổ phần hóa**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt may Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 4 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được trích cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 40 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn Dệt May Việt Nam nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

T.N.H.
HẠN
P. H.A.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(o) Doanh thu hoạt động tài chính

(i) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 3(c)(ii)).



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê không phải thuê tài chính được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn Dệt May Việt Nam nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính riêng kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Tập đoàn Dệt May Việt Nam không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền mặt	8.145.155.495	1.901.829.303
Tiền gửi ngân hàng (*)	86.704.402.542	140.987.674.342
Tiền đang chuyển	45.759.550	203.466.397
Các khoản tương đương tiền	49.830.500.000	-
	144.725.817.587	143.092.970.042

(*) Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 7.562 triệu VND (1/1/2023: 7.562 triệu VND) tương ứng với các khoản phải trả cho các trường đào tạo để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN (Thuyết minh 23(ii)).

Trong tiền gửi ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 43.255 triệu VND (1/1/2023: 43.255 triệu VND) đang bị phong tỏa do liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	1.112.978.000.000	1.134.979.000.000	1.007.578.000.000	1.015.796.338.130

Các khoản tiền gửi này có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 12 tháng và hưởng lãi suất năm từ 5,7% đến 8,5% (1/1/2023: từ 3,9% đến 8,2%).

Giá trị hợp lý của khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023 hiện đang ghi nhận là khoản phải thu khác. Ban lãnh đạo Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 và 1 tháng 1 năm 2023.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 bao gồm 110.000 triệu VND (1/1/2023: 110.000 triệu VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 24(b)(ii)).

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2023					1/1/2023				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
▪ Công ty con										
• Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)	50,10%	50,10%	532.242.925.014	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(112.484.909.077)	(*)	100,00%	100,00%	163.627.554.636	(97.898.863.965)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)	61,87%	61,87%	189.153.465.950	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)	68,34%	68,34%	26.032.500.000	(26.032.500.000)	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)	53,67%	53,67%	81.555.023.813	-	(*)
• Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(8.778.230.065)	(*)	100,00%	100,00%	115.191.925.340	(9.376.415.068)	(*)
• Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(24.852.076.450)	(*)	61,63%	61,63%	24.852.076.451	(22.642.891.790)	(*)
• Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phổ Nổi	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)	51,00%	51,00%	38.633.449.251	-	(*)
• Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	60,73%	60,73%	122.656.621.350	-	(*)	53,85%	53,85%	73.657.321.350	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)	60,86%	60,86%	172.033.729.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex	100,00%	100,00%	500.000.000.000	(51.454.661.949)	(*)	100,00%	100,00%	500.000.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(13.029.415.850)	(*)	100,00%	100,00%	191.301.358.205	(25.269.428.725)	(*)
• Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52,00%	52,00%	33.800.000.000	(17.119.284.906)	(*)	52,00%	52,00%	33.800.000.000	-	(*)
			2.191.080.629.010	(253.751.078.297)				2.142.081.329.010	(181.220.099.548)	
▪ Công ty liên kết										
• Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	26,37%	26,37%	64.157.524.344	-	(*)	26,37%	26,37%	64.157.524.344	-	(*)
• Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)	35,21%	35,21%	48.705.037.797	-	(*)
• Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)	35,01%	35,01%	47.350.233.012	-	(*)
• Tổng Công ty May 10 – CTCP	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)	33,82%	33,82%	97.190.682.268	-	(*)
• Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)	30,40%	30,40%	288.033.867.683	-	(*)
• Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)	46,93%	46,93%	196.304.445.135	-	(*)
• Các khoản đầu tư tại các công ty liên kết khác (**)			305.336.065.540	(3.068.927.507)	(*)			305.336.065.540	(543.856.032)	(*)
			1.047.077.855.779	(3.068.927.507)				1.047.077.855.779	(543.856.032)	
▪ Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,97%	1,97%	19.450.204.510	(13.180.048.533)	(*)	1,97%	1,97%	19.450.204.510	(13.180.048.533)	(*)
• Các khoản đầu tư khác			20.339.294.390	-	(*)			20.339.294.390	-	(*)
			39.789.498.900	(13.180.048.533)				39.789.498.900	(13.180.048.533)	
			3.277.947.983.689	(270.000.054.337)				3.228.948.683.689	(194.944.004.113)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 13 công ty con cấp 1 và 18 công ty liên kết cấp 1 (1/1/2023: có 13 công ty con cấp 1 và 18 công ty liên kết cấp 1). Các công ty con và công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

- (*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

10. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu của khách hàng là các công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8/3	77.575.683.693	123.646.836.351
▪ Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	7.216.911.506	13.416.762.773
▪ Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	7.345.777.250	11.537.749.405
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	4.194.349.475	4.069.764.542
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	2.079.759.000	2.852.646.390
▪ Các công ty con khác	-	371.320.200
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
▪ Các công ty liên kết	125.291.263	616.527.251
Phải thu các khách hàng khác		
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Hoàng	163.949.833.391	95.479.733.096
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Hưng Tiến Phát	7.964.468.226	41.401.664.297
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	5.570.959.140	12.755.431.260
▪ Xiamen Haixia Investment Co., Ltd	7.657.905.393	3.938.892.979
▪ HengFeng Hong Kong Co., Ltd	5.527.529.165	-
▪ Xiamen ITG Textile Material Co., Ltd	4.920.403.232	-
▪ Xiamen Naseem Trade Co., Ltd	-	8.088.262.552
▪ Ilshin Spinning Co., Ltd	-	6.385.606.790
▪ Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	-	6.008.795.720
▪ Các khách hàng khác	6.588.402.648	12.212.164.484
	300.717.273.382	342.782.158.090

Khoản phải thu từ các công ty con và công ty liên kết không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu dài hạn của khách hàng

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu của khách hàng là công ty con		
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	61.843.907.911	61.843.907.911

Khoản phải thu khách hàng từ công ty con không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả theo kế hoạch trả nợ đã được thống nhất giữa hai bên trong thời gian từ năm 2023 đến năm 2027.

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trả trước cho người bán là các công ty con		
▪ Các công ty con khác	-	7.337.600
Trả trước cho người bán là các công ty liên kết		
▪ Các công ty liên kết	2.878.526.008	2.874.962.614
Trả trước cho người bán là bên thứ ba		
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Phước Thành	13.395.731.088	17.143.085.156
▪ Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp	6.444.160.938	6.444.160.938
▪ Công ty TNHH Thiên Việt Kỹ Thuật	-	3.158.718.750
▪ Các nhà cung cấp khác	7.404.122.707	11.765.304.364
	30.122.540.741	41.393.569.422

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải thu về cho vay****(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu về cho vay các công ty con		
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	23.200.000.000	23.200.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	13.199.542.488	12.560.410.260
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	5.392.702.550	5.131.583.549
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	5.309.795.338	5.052.690.791
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (ii)	3.339.952.288	3.178.229.141
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2.017.480.563	1.919.792.595
▪ Công ty TNHH MTV Dệt 8/3 (ii)	1.886.088.438	1.794.762.547
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (ii)	1.494.202.750	1.421.852.242
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương (iii)	4.800.000.000	3.200.000.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (iv)	6.700.000.000	1.000.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (v)	32.599.388.608	21.799.388.608
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 2 (vii)	6.600.000.000	7.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 3 (viii)	10.000.000.000	10.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (x)	10.000.000.000	-
	126.539.153.023	97.258.709.733

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu về cho vay các công ty con			
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (i)	2025	34.800.000.000	46.400.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú (ii)	2035	502.315.339.787	508.647.385.403
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	2035	205.222.054.250	207.809.025.661
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (ii)	2035	202.066.975.762	204.614.175.079
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 1 (ii)	2035	127.103.585.600	128.705.817.681
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế (ii)	2035	76.776.257.825	77.744.077.688
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 (ii)	2035	71.776.053.950	72.680.842.708
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (ii)	2035	56.862.651.613	57.579.446.116
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Phương (iii)	2024	1.600.000.000	3.200.000.000
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân (iv)	2027	40.642.959.288	46.342.959.288
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Khoản 2 (v)	2025	32.400.000.000	43.200.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 1 (vi)	2025	79.010.290.454	79.010.290.454
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 4 (viii)	2024	10.000.000.000	10.000.000.000
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May – Khoản 5 (ix)	2025	6.500.000.000	-
		1.447.076.168.529	1.485.934.020.078

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản phải thu về cho vay hiện còn số dư như sau:

- (i) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 8%/năm áp dụng cho kỳ 6 tháng đầu tiên từ ngày giải ngân đến hết ngày 21 tháng 6 năm 2023. Sau thời điểm này, khoản cho vay này hưởng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam áp dụng cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (ii) Đây là các khoản Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho các công ty con vay lại từ nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (Thuyết minh 24(b)(ii)). Các khoản cho vay này được tính lãi theo lãi suất mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam phải trả cho Ngân hàng Phát triển Châu Á và phí phải trả Bộ Tài chính cộng thêm 0,5% phí quản lý của Tập đoàn.
- (iii) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (iv) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và không hưởng lãi trong năm 2022, từ năm 2023 lãi suất của khoản phải thu về cho vay này được tính theo lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 13 tháng loại trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố áp dụng đối với các tổ chức, được điều chỉnh 6 tháng một lần.
- (v) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 7,0%/năm.
- (vi) Khoản phải thu về cho vay này không hưởng lãi, và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại Số 20, Phố Lĩnh Nam, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May.
- (vii) Khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đáp Cầu Yên Phong mà Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May nắm giữ, và hưởng lãi suất 4,6%/năm.
- (viii) Các khoản phải thu về cho vay này được đảm bảo bằng nhưng không giới hạn bởi 200.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Đáp Cầu Yên Phong mà Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May nắm giữ, và tài sản trên đất tại số 315 Phố Đà Nẵng, Phường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng. Các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất 5,2% - 6,2%/năm.
- (ix) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 5,2%/năm.
- (x) Khoản phải thu về cho vay này không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 8,0%/năm.

100%
CƠ
RÁCH N
K
1M TỪ

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Cổ tức phải thu	67.564.547.859	262.947.038.459
Các khoản trả hộ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (i)	20.000.000.000	30.000.000.000
Tiền lãi cho vay	20.859.872.964	18.955.633.316
Lãi tiền gửi	10.098.909.940	8.218.338.130
Lãi và phí quản lý khoản vay ADB	6.967.205.240	5.856.430.400
Tạm ứng cho công nhân viên	2.012.002.691	1.283.001.143
Phải thu về nhận bồi thường bảo hiểm	-	30.480.348.882
Phải thu từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	-	22.001.000.000
Phải thu từ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May do thanh toán hộ	-	10.010.904.110
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.652.700.807	1.756.939.918
	133.155.239.501	391.509.634.358

- (i) Khoản phải thu này bao gồm gốc vay và lãi vay ngân hàng mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thanh toán hộ cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn để xây dựng Nhà máy Bạc Liêu, Nhà máy Kiên Giang và Nhà máy Cần Thơ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Công ty con		
▪ Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex	20.000.000.000	30.000.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	17.172.577.697	16.789.604.715
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	4.246.559.451	13.534.841.095
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	11.691.080.861	11.691.080.861
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	10.200.000.000	18.360.000.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	2.969.218.331	5.395.963.573
▪ Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	2.817.542.538	50.315.496.611
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	2.721.783.734	1.215.365.165
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	1.133.415.788	952.716.549
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế	430.646.638	37.575.512.993
▪ Các công ty con khác	1.277.910.928	530.903.106
Công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ Phần Dệt May Liên Phương	-	22.001.000.000
▪ Tổng Công ty May Hưng Yên – CTCP	15.491.686.000	20.491.686.000
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	10.080.000.000	7.560.000.000
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	7.923.055.000	7.923.055.000
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	-	33.514.800.000
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	-	24.637.500.000
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	-	18.409.316.400
▪ Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	-	10.430.088.000
▪ Các công ty liên kết khác	7.999.530.124	18.645.155.328
	116.155.007.090	349.974.085.396

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Phải thu dài hạn khác từ công ty con		
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 (i)	170.496.650.079	170.496.650.079
Phải thu dài hạn Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội (ii)	136.932.000.000	136.932.000.000
Tài sản bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex (iii)	64.230.543.181	64.230.543.181
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex (Thuyết minh 13(a))	40.220.269.071	40.220.269.071
Phải thu từ Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	29.473.651.770	19.462.747.660
Phải thu từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	22.001.000.000	-
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân do điều chuyển tài sản	16.246.475.085	16.246.475.085
Phải thu từ Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	13.510.094.763	13.510.094.763
Đặt cọc bảo đảm thực hiện dự án đầu tư Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-May Quảng Nam (iv)	5.715.000.000	5.715.000.000
Phải thu dài hạn khác		
Đặt cọc tiền thuê văn phòng	4.533.252.508	4.533.252.508
Khác	18.286.359	18.286.359
	503.377.222.816	471.365.318.706

- (i) Phản ánh khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3 khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành.
- (ii) Khoản phải thu này liên quan đến khoản tiền chuyển mục đích sử dụng đất được Bộ Tài chính giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong năm 2015 cho mục đích thực hiện các dự án đầu tư tại Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội. Khoản này sẽ được ghi tăng vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội khi các thủ tục thực hiện tăng vốn được hoàn thành. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, các thủ tục tăng vốn vẫn chưa được hoàn thành và dự kiến sẽ chưa được hoàn thành trước 1 tháng 7 năm 2024.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (iii) Phản ánh giá trị ghi sổ của các tài sản thuộc Dự án Nhà máy May Tuyên Quang mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã bàn giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex trong năm 2017. Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng ghi nhận các khoản vay dài hạn có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này (Thuyết minh 24(b)). Các khoản phải thu và nợ phải trả này sẽ được xử lý khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoàn thành xong các thủ tục bàn giao các khoản nợ phải trả còn lại có liên quan đến việc hình thành các tài sản cố định này cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, các thủ tục này vẫn đang được thực hiện.
- (iv) Phản ánh khoản tiền Tập đoàn Dệt May Việt Nam ký quỹ tại tài khoản của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Nam nhằm mục đích bảo đảm thực hiện Dự án Nhà máy Liên hợp Sợi-May Quảng Nam.

100
C
RÁCH
I
AM PL

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	30/6/2023			Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	1/1/2023			Giá trị có thể thu hồi VND
		Giá gốc VND	Dự phòng VND				Giá gốc VND	Dự phòng VND		
<i>Nợ quá hạn</i>										
Công ty Cổ phần May Nam An	Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-		Trên 3 năm	254.193.100	(254.193.100)	-	
Công ty Cổ phần May Bình Minh	Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-		Trên 3 năm	200.000.000	(200.000.000)	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-		Trên 3 năm	171.102.254	(171.102.254)	-	
Công ty Cổ phần Cơ khí Dệt May Hưng Yên	Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-		Trên 3 năm	72.766.546	(72.766.546)	-	
		<u>698.061.900</u>	<u>(698.061.900)</u>	-			<u>698.061.900</u>	<u>(698.061.900)</u>	-	
<i>Trong đó:</i>										
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			<u>(698.061.900)</u>					<u>(698.061.900)</u>		

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Hàng tồn kho

	30/6/2023		1/1/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	108.155.617.607	-	45.309.297.871	-
Nguyên vật liệu	64.027.462.342	(1.002.452.675)	83.579.030.691	(10.200.371.911)
Công cụ và dụng cụ	6.335.344.395	-	4.346.489.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.105.572.927	(202.233.386)	17.200.370.977	(521.610.497)
Thành phẩm	175.256.895.266	(33.445.756.589)	192.619.362.939	(43.761.219.554)
Hàng hóa	3.470.325.371	(613.352.404)	3.602.782.534	(613.352.404)
	372.351.217.908	(35.263.795.054)	346.657.334.012	(55.096.554.366)

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có 1.215 triệu VND nguyên vật liệu, 175.257 triệu VND thành phẩm và 613 triệu hàng hóa (1/1/2023: 77.901 triệu VND nguyên vật liệu, 165.658 triệu VND thành phẩm và 613 triệu hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	482.429.738.596	1.084.216.110.295	38.911.428.602	52.133.959.082	1.657.691.236.575
Tăng trong kỳ	934.259.259	73.960.000	44.000.000	31.809.091	1.084.028.350
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	507.019.670	-	-	507.019.670
Thanh lý	(99.143.997)	(3.812.402.167)	-	(443.966.040)	(4.355.512.204)
Tăng khác	2.611.519.043	-	-	-	2.611.519.043
Số dư cuối kỳ	485.876.372.901	1.080.984.687.798	38.955.428.602	51.721.802.133	1.657.538.291.434
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	242.075.304.194	556.070.061.673	25.306.264.448	36.876.164.770	860.327.795.085
Khấu hao trong kỳ	11.402.895.857	37.579.713.033	1.501.029.358	2.173.267.217	52.656.905.465
Thanh lý	(99.143.997)	(3.812.402.167)	-	(443.966.040)	(4.355.512.204)
Tăng khác	760.302.723	-	-	-	760.302.723
Số dư cuối kỳ	254.139.358.777	589.837.372.539	26.807.293.806	38.605.465.947	909.389.491.069
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	240.354.434.402	528.146.048.622	13.605.164.154	15.257.794.312	797.363.441.490
Số dư cuối kỳ	231.737.014.124	491.147.315.259	12.148.134.796	13.116.336.186	748.148.800.365

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản cố nguyên giá 132.507 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 103.967 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 551.289 triệu VND (1/1/2023: 588.705 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 24(b)).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	78.833.849.210	2.956.399.301	81.790.248.511
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	21.476.286.160	2.520.105.150	23.996.391.310
Khấu hao trong kỳ	819.365.388	55.387.072	874.752.460
Số dư cuối kỳ	22.295.651.548	2.575.492.222	24.871.143.770
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	57.357.563.050	436.294.151	57.793.857.201
Số dư cuối kỳ	56.538.197.662	380.907.079	56.919.104.741

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 có các tài sản có nguyên giá 2.041 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2023: 2.041 triệu VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	199.656.844.545	104.028.340.787
Tăng trong kỳ	44.986.302.355	41.083.268.758
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(507.019.670)	(334.711.200)
Số dư cuối kỳ	244.136.127.230	144.776.898.345

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Dự án 39-41 Võ Văn Kiệt	201.368.592.063	169.050.080.676
Nhà máy Sợi Nam Định	23.073.862.364	23.073.862.364
Nhà máy Liên hợp Sợi-May Quảng Nam	5.516.620.734	5.236.283.563
Xây lại kho nguyên liệu và thành phẩm – Nhà máy Sợi Phú Cường	12.387.453.797	-
Trung tâm Nguyên phụ liệu Dệt may Da giày	1.789.598.272	1.789.598.272
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	-	507.019.670
Số dư cuối kỳ	244.136.127.230	199.656.844.545

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 17.326 triệu VND (1/1/2023: 17.326 triệu VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Thuyết minh 24(b)).

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất	Công cụ	Chi phí khác	Tổng cộng
	trả trước	và dụng cụ	VND	VND
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	39.463.446.395	5.728.830.628	243.357.469	45.435.634.492
Tăng trong kỳ	-	997.919.581	116.517.128	1.114.436.709
Phân bổ trong kỳ	(521.731.938)	(2.133.931.739)	(213.496.143)	(2.869.159.820)
Thanh lý	(4.428.039.226)	-	-	(4.428.039.226)
Phân loại lại	-	(443.775.948)	443.775.948	-
Số dư cuối kỳ	34.513.675.231	4.149.042.522	590.154.402	39.252.872.155

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2023	1/1/2023
	VND	VND
Phải trả người bán là các công ty con		
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ	201.238.040	159.181.030
▪ Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex	182.011.600	239.250.240
▪ Công ty TNHH Một Thành viên Dệt kim Đông Xuân	72.320.788	114.555.180
▪ Các công ty con khác	20.660.099	-
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	10.335.408.098	95.163.545.046
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	121.775.120	2.765.274.250
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	261.123.909	606.966.052
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	193.625.682	430.319.036
▪ Công ty Cổ phần May Nam Định	44.331.962	98.088.028
▪ Công ty Cổ phần Dệt Gia dụng Phong Phú	68.817.600	45.810.228
Phải trả người bán khác		
▪ Cargill Cotton	42.477.295.850	-
▪ Toyo Cotton Company	23.627.163.100	-
▪ Olam International Limited	14.083.256.237	17.558.003.789
▪ Cam Cotton LLC	10.406.934.600	-
▪ Công ty TNHH Xây dựng Sản xuất Thương mại Tài Nguyên	7.510.982.998	7.510.982.998
▪ Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Bao bì Hoàng Minh Quân	845.035.519	597.049.466
▪ Louis Dreyfus Company Suisse SA	-	14.185.432.592
▪ Công ty TNHH Hà Hùng	-	3.807.650.340
▪ Công ty Cổ phần May Tiên Tiến	-	1.855.938.378
▪ Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa	-	1.632.297.462
▪ Các nhà cung cấp khác	12.665.292.029	18.336.066.642
	123.117.273.231	165.106.410.757

Khoản phải trả các công ty con và các công ty liên kết không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thuế và các khoản khác phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2023 VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số phát sinh/ đã thu được trong kỳ VND	30/6/2023 VND
Thuế				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	204.960.646	-	-	204.960.646
Văn phòng	204.960.646	-	-	204.960.646
Thuế thu nhập cá nhân	-	10.394.610	-	10.394.610
Trung tâm thời trang	-	10.394.610	-	10.394.610
	204.960.646	10.394.610	-	215.355.256

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2023 VND
Thuế						
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.348.548.200	24.293.546.655	-	(10.175.054.249)	(17.326.573.575)	1.140.467.031
Văn phòng	-	6.409.206.322	-	-	(6.409.206.322)	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	3.575.494.658	10.922.639.374	-	(9.063.076.756)	(4.632.612.914)	802.444.362
Nhà máy Sợi Nam Định	649.799.341	1.158.875.386	-	-	(1.676.431.632)	132.243.095
Trung tâm Thời trang Vinatex	123.254.201	5.802.825.573	-	(1.111.977.493)	(4.608.322.707)	205.779.574
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.118.170.300	-	522.735.076	(522.735.076)	(1.118.170.300)	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	435.650.374	(435.650.374)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	1.118.170.300	-	87.084.702	(87.084.702)	(1.118.170.300)	-
Các loại thuế khác	429.843.429	-	1.758.755.939	(2.039.117.218)	-	149.482.150
+ Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Văn phòng Hà Nội	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Nam Định	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy Yarn Dyed	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Nhà máy May Quế Sơn	-	-	1.000.000	(1.000.000)	-	-
Trung tâm Thời trang Vinatex	-	-	2.000.000	(2.000.000)	-	-
+ Thuế thu nhập cá nhân	429.843.429	-	1.736.461.819	(2.016.823.098)	-	149.482.150
Văn phòng	389.272.567	-	1.554.813.307	(1.821.787.865)	-	122.298.009
Nhà máy Sợi Nam Định	7.283.589	-	78.989.903	(74.130.721)	-	12.142.771
Nhà máy Sợi Phú Cường	8.053.689	-	56.079.120	(49.091.439)	-	15.041.370
Trung tâm Thời trang Vinatex	25.233.584	-	46.579.489	(71.813.073)	-	-
+ Thuế nhập khẩu	-	-	13.294.120	(13.294.120)	-	-
Nhà máy Sợi Phú Cường	-	-	13.294.120	(13.294.120)	-	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2023 VND	Thuế GTGT đầu ra VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp/được hoàn trong kỳ VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2023 VND
Các khoản phải nộp khác	139.177	-	2.769.068.781	(303.285.826)	-	2.465.922.132
+ Tiền thuê đất, thuế đất	-	-	2.731.299.244	(265.377.112)	-	2.465.922.132
Văn phòng Hà Nội	-	-	1.033.542.873	(227.796.741)	-	805.746.132
Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	1.697.756.371	(37.580.371)	-	1.660.176.000
+ Các khoản khác	139.177	-	37.769.537	(37.908.714)	-	-
Văn phòng Hà Nội	139.177	-	37.769.537	(37.908.714)	-	-
	5.896.701.106	24.293.546.655	5.050.559.796	(13.040.192.369)	(18.444.743.875)	3.755.871.313



22. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Chi phí lãi vay	3.157.315.500	3.099.030.740
Chi phí phải trả khác	2.716.248.690	4.073.932.537
	5.873.564.190	7.172.963.277
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng	464.849.280	464.849.280
	6.338.413.470	7.637.812.557

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	10.226.684.160	10.691.533.440
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	9.761.834.880	10.226.684.160

- (*) Phản ánh số tiền thuê đất tại Số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Các bên khác		
Cổ tức phải trả	300.409.373.125	409.373.125
Phải trả cho các trường đào tạo (i)	7.562.091.012	7.562.091.012
Lãi vay phải trả	8.067.886.401	6.914.255.221
Quỹ từ thiện	3.145.248.287	3.145.248.287
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	890.152.546	621.511.953
Các khoản phải trả khác	6.139.867.245	8.141.821.251
	326.214.618.616	26.794.300.849

- (i) Phải trả cho các trường đào tạo là phần vốn xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCDN, chi tiết như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex	1.190.698.513	1.190.698.513
Trường Cao đẳng Công nghiệp Dệt May Thời trang Hà Nội	5.590.422.000	5.590.422.000
Trường Cao đẳng nghề Kinh tế Kỹ thuật Vinatex Thành phố Hồ Chí Minh	780.970.499	780.970.499
	7.562.091.012	7.562.091.012

Tại ngày của báo cáo này, các trường đào tạo chưa quyết toán xong các dự án nâng cấp, mở rộng trường nên Tập đoàn Dệt May Việt Nam chưa giải ngân các khoản này.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***24. Vay****(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Biến động trong kỳ Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	30/6/2023 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	501.543.869.565	481.547.031.895	(542.727.392.972)	468.833.011	440.832.341.499
Vay dài hạn đến hạn trả	110.794.482.734	64.544.383.051	(65.163.641.065)	53.568.068	110.228.792.788
	612.338.352.299	546.091.414.946	(607.891.034.037)	522.401.079	551.061.134.287

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm (%)	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Mỹ Đình	USD	4,0% - 6,89%	56.558.865.600	77.823.806.928
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	USD	3,8% - 7,1%	207.798.437.324	177.987.865.082
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm	USD	3,8% - 7,65%	124.892.956.025	203.230.211.579
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàng Mai	USD	4,5%	51.582.082.550	42.501.985.976
			440.832.341.499	501.543.869.565

Các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm %	Năm đáo hạn	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (i)	USD	5,4%	2025	21.708.244.325	21.689.963.698
Ngân hàng Phát triển Châu Á (ii)	USD	Thả nổi	2039	1.549.043.160.365	1.566.298.071.700
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (iii)	USD	6,02%	2025	37.335.000.000	55.955.340.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình (iv)	USD	5,81%	2024	32.338.609.900	48.450.245.306
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (v)	VND	9,2%	2024	10.946.402.842	15.324.942.842
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm (v)	USD	7,97%	2024	18.603.493.750	26.022.911.250
				1.669.974.911.182	1.733.741.474.796
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(a))				(110.228.792.788)	(110.794.482.734)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.559.746.118.394	1.622.946.992.062

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị, xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Nam Định với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 184.070 triệu VND (1/1/2023: 192.884 triệu VND) (Thuyết minh 16).

- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 80.059 triệu VND (1/1/2023: 89.119 triệu VND) (Thuyết minh 16);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3, Công ty TNHH Một thành viên Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 110.000 triệu VND (1/1/2023: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn với giá trị 110.000 triệu VND) (Thuyết minh 9(a));

Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần theo công thức: Libor 6 tháng (trước 1 tháng 6 năm 2022) hoặc Sofr 6 tháng (từ 1 tháng 6 năm 2022) bằng đồng USD cộng biên độ lãi suất 0,6% trừ (-) một khoản giảm trừ là 0,1% cộng (+) phí bảo hiểm kỳ hạn 0,2%.

Khoản vay được hoàn trả từ ngày 1 tháng 6 năm 2020 đến ngày 1 tháng 12 năm 2039, trong 40 kỳ nửa năm, số tiền trả mỗi kỳ được xác định bằng cách nhân tổng số nợ gốc đã rút với phần trả mỗi lần (%) được quy định trong hợp đồng vay.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

- (iii) Các khoản vay này được bảo đảm bằng một số tài sản cố định của Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 119.074 triệu VND (1/1/2023: 127.119 triệu VND).
- (iv) Các khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 185.410 triệu VND (1/1/2023: 196.909 triệu VND) (Thuyết minh 16).
- (v) Khoản vay này được bảo đảm bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy May Tuyên Quang bao gồm các tài sản đã được Tập đoàn chuyển giao cho Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex, một công ty thuộc sở hữu 100% của Tập đoàn.

25. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng phải trả ngắn hạn được lập liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đối với khoản nợ ngân hàng của một đơn vị thành viên của Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	35.435.330.188	28.990.321.045
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 27)	9.500.000.000	22.257.000.000
Sử dụng trong kỳ	(3.653.210.851)	(6.671.838.889)
Số dư cuối kỳ	41.282.119.337	44.575.482.156



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2022	5.000.000.000.000	30.361.932.352	503.157.559.155	543.092.845.095	6.076.612.336.602
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	114.096.210.000	-	114.096.210.000
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	(22.257.000.000)	-	(22.257.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(350.000.000.000)	-	(350.000.000.000)
Giảm khác	-	-	(11.527.613.551)	-	(11.527.613.551)
Số dư tại ngày 30/6/2022	5.000.000.000.000	30.361.932.352	233.469.155.604	543.092.845.095	5.806.923.933.051
Số dư tại ngày 1/1/2023	5.000.000.000.000	30.361.932.352	321.229.084.092	543.092.845.095	5.894.683.861.539
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	21.917.772.206	-	21.917.772.206
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 26)	-	-	(9.500.000.000)	-	(9.500.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	(300.000.000.000)	-	(300.000.000.000)
Số dư tại ngày 30/6/2023	5.000.000.000.000	30.361.932.352	33.646.856.298	543.092.845.095	5.607.101.633.745

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

28. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	30/6/2023 và 1/1/2023	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành					
	30/6/2023			1/1/2023		
	Số cổ phiếu	VND	%	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước						
– Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Các cổ đông khác	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 30 tháng 5 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 300.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2022, tương ứng với tỷ lệ 6% trên mệnh giá (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2022: cổ tức bằng tiền trị giá 350.000 triệu VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021, tương ứng với tỷ lệ 7% trên mệnh giá).

30. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	Tại ngày 30/6/2023 và ngày 1/1/2023 VND
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Số dư đầu kỳ	22.214.516.922	24.256.143.942
Hao mòn của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(1.020.813.510)	(1.020.813.510)
Số dư cuối kỳ	21.193.703.412	23.235.330.432

32. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Trong vòng 1 năm	11.129.307.842	20.096.725.370
Trong vòng 2 đến 5 năm	11.422.010.880	11.422.010.880
Sau 5 năm	52.826.800.320	54.254.551.680
	75.378.119.042	85.773.287.930

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	386.995	9.058.663.678	923.459	21.616.332.836
EUR	99.469	2.504.550.902	99.440	2.457.995.258
		11.563.214.580		24.074.328.094

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán riêng:

	30/6/2023 VND	1/1/2023 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	97.366.413.725	251.216.091.714

(d) Các hợp đồng bảo lãnh tài chính

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 Tập đoàn có các khoản bảo lãnh còn hiệu lực đối với các khoản vay của Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Dệt May, một công ty con của Tập đoàn, với tổng giá trị là 57.497 triệu VND (1/1/2023: 69.353 triệu VND).

33. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Bán hàng và dịch vụ gia công	556.999.319.637	600.799.397.519
Doanh thu dịch vụ	43.117.698.332	43.755.128.851
	600.117.017.969	644.554.526.370

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Hàng hoá đã bán và dịch vụ gia công	598.404.573.285	542.743.053.541
Hàng tồn kho bị tổn thất do hòa hoãn	6.145.113.303	55.456.609.826
Dịch vụ đã cung cấp	23.665.698.630	23.675.862.565
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.832.759.312)	-
	608.382.625.906	621.875.525.932

35. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	28.161.953.446	33.580.368.995
Lãi cho vay	49.997.907.666	14.864.103.334
Cổ tức	123.795.722.231	110.064.462.475
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư khác	-	9.161.370.640
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.226.792.472	2.884.090.481
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	731.468.630	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.662.781.230	-
	207.576.625.675	170.554.395.925



36. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	59.951.625.528	18.429.865.567
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	75.056.050.224	(14.416.966.278)
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.405.515.720	554.121.091
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	21.057.371.984
	136.413.191.472	25.624.392.364

37. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	5.775.583.040	5.449.666.376
Chi phí khấu hao và phân bổ	4.954.007.179	5.827.709.282
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.942.681.181	5.962.609.075
Các chi phí bán hàng khác	4.219.963.867	6.049.041.107
	20.892.235.267	23.289.025.840

38. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nhân viên	17.971.699.519	15.572.299.535
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.432.892.887	4.102.364.286
Chi phí thuê đất và nhà cửa	9.571.588.257	7.001.286.511
Chi phí thuế, phí và lệ phí	133.752.815	204.221.799
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.712.101.179	5.038.116.137
	31.822.034.657	31.918.288.268

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***39. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản góp vốn dự án hợp tác đầu tư	16.181.818.182	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	-	2.090.093.275
Thu từ các khoản khác	19.751.895	150.000.000
	16.201.570.077	2.240.093.275

40. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Giá trị còn lại của tài sản góp vốn dự án hợp tác đầu tư đã thanh lý	4.428.039.226	-
Các khoản chi khác	39.314.987	545.573.166
	4.467.354.213	545.573.166

41. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	293.818.861.847	405.466.627.862
Chi phí nhân viên	46.869.561.576	46.237.954.657
Chi phí khấu hao và phân bổ	53.032.576.353	56.073.949.949
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.313.832.151	29.666.217.320
Chi phí khác	2.147.466.796	1.671.802.940

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	21.917.772.206	114.096.210.000
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam	4.383.554.441	22.819.242.000
Giá trị thuế của chi phí không được khấu trừ thuế	731.512.948	1.500.079.934
Giá trị thuế của thu nhập không bị tính thuế	(24.759.144.446)	(22.012.892.495)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận cho lỗ năm hiện hành	17.513.681.444	-
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	2.130.395.613	(2.306.429.439)
	-	-

(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2023		31/12/2022	
	Chênh lệch tạm thời VND	Chênh lệch tạm thời VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị thuế VND
Các chênh lệch tạm thời	6.261.201.644	1.252.240.328	(4.390.776.425)	(878.155.285)
Lỗ tính thuế	291.011.903.419	58.202.380.684	203.443.496.199	40.688.699.240
	297.273.105.063	59.454.621.012	199.052.719.774	39.810.543.955

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2025	Đã quyết toán	6.579.335.154
2027	Chưa quyết toán	196.864.161.045
2028	Chưa quyết toán	87.568.407.220
		291.011.903.419

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

43. Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của các đơn vị phụ thuộc

STT	Đơn vị	Tổng doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	Chi tiết doanh thu Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023			Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND
			Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ VND	Doanh thu hoạt động tài chính VND	Thu nhập khác VND	
1	Văn phòng Công ty mẹ	487.203.462.036	266.410.303.104	204.591.813.255	16.201.345.677	77.202.712.805
2	Các đơn vị phụ thuộc					
	Chi nhánh Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	667.397	-	667.397	-	545.913
	Nhà máy Sợi Vinatex Phú Cường	171.092.550.540	170.879.512.663	213.037.877	-	(35.409.770.260)
	Nhà máy Sợi Vinatex Nam Định	148.128.262.791	145.362.404.687	2.765.858.104	-	(22.587.187.357)
	Trung tâm Thời trang Vinatex	17.468.093.745	17.464.797.515	3.071.830	224.400	2.713.054.053
	Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	1.980.887	-	1.980.887	-	100.727
	Nhà máy May Quế Sơn	196.325	-	196.325	-	(1.683.675)
3	Tổng cộng	823.895.213.721	600.117.017.969	207.576.625.675	16.201.570.077	21.917.772.206

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Các giao dịch chủ yếu với bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn Dệt May Việt Nam có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Nhà đầu tư		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH Cổ tức	160.462.860.000	187.206.670.000
Công ty con		
Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
Doanh thu bán hàng hóa	77.292.686.645	57.479.959.946
Mua hàng hóa	-	40.000.000
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”)	2.474.414.574	658.927.268
Thu hồi gốc vay	-	25.000.000.000
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	867.930.880	777.367.094
Thu nhập lãi vay, lãi trả chậm	1.504.022.838	-
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
Doanh thu cho thuê	7.714.379.713	7.814.849.942
Doanh thu cung cấp dịch vụ	568.972.607	391.515.084
Doanh thu bán tài sản	-	32.600.000.000
Mua hàng hóa	2.004.546	-
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	6.966.074.591	1.855.039.474
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	2.443.954.745	2.188.476.696
Cổ tức	74.247.352.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú		
Doanh thu bán hàng hóa	492.083.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	293.000.000
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	17.199.827.300	4.670.195.588
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	6.075.391.646	5.461.379.361
Cổ tức	39.279.235.800	74.817.592.000
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	60.000.000
Cho vay	10.000.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	252.054.795	-
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	7.074.843.269	1.884.004.204
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	2.482.114.757	2.222.647.562

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	78.669.643	90.000.000
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	2.646.791.108	704.830.728
Thu hồi gốc vay	11.600.000.000	-
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	928.591.685	831.521.567
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	20.000.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	107.100.000	133.452.000
Thu nhập lãi cho vay	2.256.280.143	2.256.280.143
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	4.381.780.352	1.166.851.350
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	1.543.822.807	1.376.589.358
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân		
Doanh thu bán hàng hóa	19.446.173.818	8.151.398.974
Mua hàng hóa	-	1.925.778
Doanh thu cung cấp dịch vụ	179.311.326	257.916.046
Lãi và phí của khoản cho vay lại nguồn vốn vay ADB	1.960.287.865	522.017.008
Thu hồi gốc vay nguồn vốn vay ADB	687.740.958	617.703.970
Thu nhập lãi vay, lãi trả chậm	1.536.770.514	-
Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
Cổ tức	5.115.313.000	-
Mua cổ phần	48.999.300.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương		
Thu hồi gốc vay	-	800.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	219.734.795
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex		
Cổ tức	-	24.939.448.952
Trả hộ lãi vay dự án May Tuyên Quang	1.519.131.556	1.422.797.068
Thu hồi lãi vay và gốc vay dự án May Tuyên Quang	-	12.951.582.197
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Dệt May		
Cho vay	6.500.000.000	3.500.000.000
Thu hồi gốc cho vay	400.000.000	-
Thu nhập tiền lãi từ cho vay	722.622.466	127.476.712

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2023 VND	30/6/2022 VND
Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam – Vinatex		
Thu hồi khoản trả hộ	10.000.000.000	10.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	179.753.424
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
Doanh thu cho thuê	4.065.217.500	4.529.590.750
Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng		
Doanh thu cho thuê	12.741.704.331	11.306.741.157
Doanh thu bán hàng hóa	-	(239.288.147)
Thu nhập lãi trả chậm	77.556.889	-
Công ty liên kết		
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	434.567.513	386.331.343
Mua hàng hóa	2.675.030.834	205.037.589
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Cổ tức	-	1.043.008.800
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	268.493.347	264.417.680
Mua hàng hóa	-	40.909.091
Cổ tức	-	396.900.000
Công ty Cổ phần May Chiến Thắng		
Cổ tức	-	612.000.000
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.057.677.560	1.275.483.387
Cổ tức	2.520.000.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty May Đồng Nai		
Mua hàng hóa	-	30.445.455
Cổ tức	-	2.810.808.000
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Mua hàng hóa	2.213.961.665	748.917.790
Thu nhập khác	13.072.950	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.916.861.205	1.720.701.527
Mua hàng hóa, dịch vụ	462.000.000	4.940.907

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2023	30/6/2022
	VND	VND
Tổng Công ty May Hưng Yên - CTCP		
Cổ tức	-	5.692.135.000
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	133.059.509	550.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Doanh thu cho thuê	588.111.000	523.166.400
Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
Thu hồi gốc vay	-	20.000.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	784.109.588
Công ty Cổ phần Dệt lụa Nam Định		
Cổ tức	1.066.406.000	1.066.406.000
Doanh thu bán hàng hóa	329.479.374	-
Công ty Cổ phần Thời trang Hanosimex		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	452.431.454	581.784.454
Mua hàng hóa	98.000.008	27.777.840
Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt		
Thành viên Hội đồng quản trị		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	520.240.000	496.300.000
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	86.080.000	86.080.000
Ông Cao Hữu Hiếu – Ủy viên	-	-
Ông Đặng Vũ Hùng – Ủy viên	58.000.000	58.000.000
Ông Vũ Hồng Tuấn – Ủy viên	54.000.000	284.800.000
Ông Nguyễn Xuân Đông – Ủy viên	54.000.000	54.000.000
Cơ quan Tổng Giám đốc		
Ông Cao Hữu Hiếu – Tổng Giám đốc	475.240.000	454.600.000
Những người quản lý khác	1.891.525.553	2.039.754.000

2042-C
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
PMO

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

45. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán riêng và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Nga
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Ngọc Cách
Kế toán trưởng



Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Số: 431 /TĐDMVN-TCKT
V/v: Giải trình một số vấn đề trong
BCTC soát xét bán niên năm 2023

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tập đoàn Dệt May Việt Nam (mã CK: VGT) xin giải trình một số vấn đề trong báo cáo tài chính (BCTC) bán niên năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán KPMG (KPMG) như sau:

1. Về ý kiến kiểm toán ngoại trừ trong BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2023:

1.1. Ý kiến ngoại trừ về phần lãi trong công ty liên kết

Công ty TNHH Coats Phong Phú (Coats Phong Phú) là công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Phong Phú (công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam), trong đó Tổng công ty Cổ phần Phong Phú sở hữu 35% vốn điều lệ của Coats Phong Phú. Do đó, khi hợp nhất BCTC, Tập đoàn ghi nhận khoản đầu tư vào Coats Phong Phú theo phương pháp vốn chủ sở hữu, với giá trị ghi sổ là 977 tỷ VND trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/6/2023 (1/1/2023: 1.017 tỷ VND). Phần sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong LNST thu nhập doanh nghiệp cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 của Coats Phong Phú là 232 tỷ VND, đang được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Do mức độ ảnh hưởng trọng yếu của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất của Tập đoàn, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã đề nghị Tổng công ty Cổ phần Phong Phú và Coats Phong Phú cho phép KPMG tiếp cận các tài liệu liên quan đến công tác soát xét BCTC bán niên năm 2023 của Coats Phong Phú. Về việc này, Coats Phong Phú đã đồng ý cho KPMG được tiếp cận, trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú. Tuy nhiên, do Coats Phong Phú không thực hiện kiểm toán BCTC bán niên nên KPMG chỉ có thể được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú cho kỳ kiểm toán năm kết thúc ngày 31/12/2023.

Vì lý do nêu trên, đến ngày 29/8/2023 là thời điểm phát hành BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2023 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, KPMG vẫn chưa được tiếp cận và trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của Coats Phong Phú. Do đó, KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về các ảnh hưởng có thể có của Coats Phong Phú đến BCTC soát xét hợp nhất bán niên năm 2023 của Tập đoàn.

1.2. Ý kiến ngoại trừ đối với khoản dự phòng tiền lương trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022 trong BCTC soát xét bán niên năm 2023

Công ty CP Dệt May Huế (Dệt may Huế) là một công ty con của Tập đoàn Dệt may Việt Nam. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/06/2022, công ty con này đã ghi nhận khoản dự phòng tiền lương để trả cho công nhân viên cho các kỳ sau với số tiền 115,3 tỷ đồng. Về bản chất, Dệt may Huế đang trích trước phần lương phải trả cho công nhân viên cho kỳ sáu tháng cuối năm để đảm bảo cho việc chi trả lương cho người lao động không gặp gián đoạn trước những dự báo được cho là bất lợi với thị trường trong 6 tháng cuối năm 2022. Việc trích lập quỹ lương dự phòng này, Dệt may Huế đã có văn bản chấp thuận của Tổng giám đốc, tuy nhiên KPMG cho rằng chứng từ này chưa đủ căn cứ để chứng minh nghĩa vụ nợ hiện tại của công ty với người lao động do đó KPMG đã đưa ra ý kiến ngoại trừ. Toàn bộ quỹ lương trích trước này Dệt may Huế đã sử dụng trước 31/03/2023, theo đúng quy định của pháp luật.

2. Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm trên BCTC soát xét bán niên năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 có sự chênh lệch trên 10%:

Đối với BCTC soát xét bán niên Công ty mẹ:

+ LNST 6 tháng năm 2023 trên BCTC soát xét Công ty mẹ: 21.917.772.206 đồng

+ LNST 6 tháng năm 2022 trên BCTC soát xét Công ty mẹ: 114.096.210.000 đồng

Chênh lệch giảm 92.178.437.794 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 80,79% so với cùng kỳ năm trước.

Đối với BCTC soát xét bán niên Hợp nhất:

- LNST 6 tháng năm 2023 trên BCTC soát xét hợp nhất: 117.361.496.026 đồng.

- LNST 6 tháng năm 2022 trên BCTC soát xét hợp nhất: 898.473.251.269 đồng.

Chênh lệch giảm: 781.111.755.243 đồng, tương đương tỷ lệ giảm 86,94% so với cùng kỳ năm trước.

Nguyên nhân chính:

- Về kết quả Hợp nhất:

Tiếp nối những khó khăn của thị trường từ cuối năm 2022, sang đầu năm 2023, các doanh nghiệp của Tập đoàn tiếp tục phải đối mặt với việc thiếu hụt đơn hàng cả về số lượng và đơn giá do cầu thấp. Đơn hàng thiếu hụt, người lao động thiếu việc làm. Để đảm bảo duy trì việc làm cho người lao động, các doanh nghiệp của Tập đoàn buộc phải nhận những đơn hàng giá thấp song vẫn cố gắng đảm bảo mức lương cho người lao động bình quân trên 8 triệu đồng/người/tháng (trong khi với mức giá của các đơn hàng nhận được thì mức lương bình quân chỉ đạt dưới 6 triệu đồng/người/tháng). Điều này làm ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận hợp nhất của Tập đoàn đặc biệt đối với ngành Dệt may là ngành có số lượng lao động rất lớn.

- Về kết quả Công ty mẹ:

Kết quả công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2023 giảm mạnh so với cùng kỳ, chủ yếu do việc trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư đối với các đơn vị thành viên. Trước những ảnh hưởng tiêu cực từ thị trường, chính sách việc làm và thu nhập nêu trên, các

đơn vị thành viên đều có kết quả sản xuất kinh doanh thấp. Do đó trong sáu tháng đầu năm 2023, Công ty mẹ Tập đoàn phải trích lập dự phòng 75 tỷ đồng làm lợi nhuận giảm mạnh (Cùng kỳ năm trước khi hầu hết các đơn vị đều có hiệu quả cao, Công ty mẹ hoàn nhập dự phòng 14 tỷ đồng).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam cam kết nội dung trong bản giải trình trên đây là trung thực và chính xác.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT.



Cao Hữu Hiếu